

## THỬ NGHIỆM “NHẬT KÍ ĐỌC SÁCH” TRONG DẠY ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN MÔN NGỮ VĂN

The experiment “reading diary” in teaching text reading comprehension of literature

Hồ Chí Linh<sup>1</sup>

### Tóm tắt

*Trong nhiều năm qua, việc đổi mới phương pháp dạy học môn Ngữ văn, trong đó có phân môn đọc – hiểu văn bản đã có nhiều chuyển biến tích cực. Với quan điểm dạy đọc – hiểu văn bản mới (kết hợp đọc, viết, thảo luận, phản hồi, ...), bài báo xoay sâu vào việc thử nghiệm 10 dạng bài tập trong “Nhật kí đọc sách” của Taffy E. Raphael – Efrieda H. Hiebert ở một số trường Trung học Phổ thông (THPT) như: Lưu Văn Liệt, TP. Vĩnh Long; Trường THPT Phan Văn Hùng, tỉnh Sóc Trăng; Trường cấp 2, 3 Phan Văn Hòa, Tam Bình, Vĩnh Long và Trường THPT Trần Ngọc Hoàng, Thới Hưng, Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ; đặc biệt chú trọng nâng cao khả năng viết trong dạy đọc – hiểu văn bản cho học sinh, trên cơ sở đó rút ra những bài học kinh nghiệm trong dạy đọc – hiểu văn bản.*

*Từ khóa: “Nhật kí đọc sách”, đọc – hiểu văn bản, bài tập, thử nghiệm, trung học phổ thông.*

### Abstract

*In recent years, the innovation of teaching-and-learning methodology in literature, including Reading Comprehension, has recently been improving. From the new viewpoint of teaching Text Reading Comprehension (the combination of reading, writing, discussion, comments, etc.), this paper focuses on the experiment of 10 types of exercise in “Reading Diary” by Taffy E. Raphael – Efrieda H. Hiebert in several high schools (Luu Van Liet High School, Vinh Long City; Phan Van Hung High School, Soc Trang Province; Phan Van Hoa Junior and Senior High School, Tam Binh, Vinh Long; and Tran Ngoc Hoang High School, Thoi Hung, Co Do, Can Tho City). Especially, it focuses more importance on enhancing the writing skill in teaching Reading Comprehension. This helps withdraw experience in teaching Text Reading Comprehension.*

*Key words: “Reading Diary”, text reading comprehension, exercise, experiment, high schools.*

### 1. Đặt vấn đề

Qua một số tiết dự giờ ở một số trường THPT tại các tỉnh – thành phố như: Sóc Trăng, Vĩnh Long, Cần Thơ..., chúng tôi nhận thấy thực trạng dạy học đọc – hiểu văn bản hiện nay ở trường THPT còn một số vấn đề tồn tại. Học sinh (HS) ít khi nào đọc văn bản ở nhà. Giáo viên (GV) chưa chú trọng đúng mức phân tích tác phẩm theo đặc trưng thể loại. Những câu hỏi GV đặt ra chưa thật sự giúp HS tự khám phá kiến thức. GV chưa quan tâm nhiều đến việc cho HS đọc Văn bản trước ở nhà cũng như ở lớp. Nhiều HS còn thụ động, có tâm lí học đối phó. Phương pháp dạy đọc - hiểu văn bản chủ yếu là thuyết giảng, thảo luận nhóm, phát vấn,... GV còn nặng về việc truyền dạy cách hiểu của mình cho HS. Đặc biệt, không có hoạt động viết khi dạy đọc - hiểu văn bản, chưa có nhiều trao đổi và phản hồi ý kiến từ phía HS khi tiếp nhận tác phẩm. Do đó, HS hiểu kiến thức một cách thụ động, không có sự sáng tạo trong tư duy, cách hiểu, không được trình bày (nói và viết) những ý kiến, cảm nhận riêng của cá nhân... Từ những thực trạng

trên, chúng tôi có nhiều băn khoăn: Bằng cách nào có thể giúp HS học tiết đọc - hiểu văn bản có hiệu quả hơn, chủ động hơn, nắm vững và vận dụng kiến thức tốt hơn? Bằng hình thức nào giúp các em có thể kết hợp các hoạt động đọc, nói, viết, thảo luận, phản hồi,... một cách thành công nhất trong giờ đọc - hiểu văn bản? Qua tìm hiểu, chúng tôi nhận thấy *Nhật kí đọc sách (NKĐS)* giúp GV và HS đạt được nhiều mục đích và có nhiều cách sử dụng chúng trên lớp học:

\* *Làm phương tiện để giao tiếp hay trao đổi:* NKĐS giúp GV giải quyết những khó khăn trong việc tiếp cận với HS như một bản thể riêng lẻ. NKĐS tạo ra mối liên hệ thực tế giữa người đọc và viết cho HS khi các em viết cho đối tượng đã được nhận diện trước và mong đợi được phản hồi về bài viết của mình. NKĐS là phương tiện giao tiếp bằng chữ viết cho cả những ngày HS không đến lớp. Nó có thể tạo ra sự giao tiếp có ý nghĩa giữa GV và HS, tạo cho HS thấy rằng có một đối tượng thật sự đọc bài viết của họ.

Khi sử dụng nhật kí, mỗi HS phải dùng một

<sup>1</sup> Thạc sĩ, Khoa Sư phạm Ngữ văn-Sử địa, Trường ĐH Đồng Tháp

quyển vở có đóng gáy lò xo hay một loại tập để viết, sáng tác và gởi cho đối tượng đọc của mình (GV hoặc bạn bè). Quyển nhật kí này được truyền tay thường xuyên để đảm bảo tính liên tục. Người viết có thể đặt câu hỏi cho người đọc về những ý tưởng mới hay cảm xúc cho nhiều khía cạnh khác nhau của một ngày ở trường, hay những sự kiện xảy ra ở trường và chờ đợi sự phản hồi về những gì đã viết.

Như vậy, *NKĐS* giúp HS kết hợp đọc và viết trong ngữ cảnh thật. Qua đó, HS đọc các phản hồi từ phía người đọc tiếp theo và viết các phản hồi của mình cho bài viết, tiếp tục chia sẻ những cảm xúc, quan sát và chia sẻ câu hỏi cho các độc giả. Nhật kí góp phần thúc đẩy giao tiếp giữa các thành viên trong lớp học mỗi lúc hiệu quả hơn, làm cho mối quan hệ giữa các thành viên trong lớp trở nên tốt hơn, các em có thể trao đổi những kiến thức, sự hiểu biết của mình một cách thoải mái. Ở đó các thành viên sẽ có cơ hội để học hỏi thêm những điều hay từ các thành viên khác, có cơ hội để nhìn nhận, đánh giá lại mình.

\* *Làm công cụ học tập*: Như một công cụ học tập, nhật kí (những ghi chép) có thể khuyến khích HS sử dụng các thủ thuật tư duy bậc cao như: phản hồi, suy ngẫm về những văn bản đã đọc trước khi thảo luận trên lớp và lập kế hoạch cho những gì mình sẽ thảo luận. Nó giúp HS tổ chức, sắp xếp ý tưởng, đưa ra những câu hỏi cũng như thể hiện cảm xúc và suy nghĩ cá nhân trong quá trình học tập.

Từ những vấn đề trên, chúng tôi nhận thấy: việc tìm hiểu kĩ về *NKĐS* sẽ giúp cho việc dạy học đọc – hiểu văn bản môn Ngữ văn ở trường phổ thông đúng định hướng đổi mới. Từ đó, chúng ta từng bước nâng cao chất lượng dạy và học môn Ngữ văn.

## 2. Giải quyết vấn đề

### 2.1. Quan điểm về đọc - hiểu văn bản

Đọc hiểu là hoạt động cơ bản của con người để chiếm lĩnh văn hóa. Khái niệm “đọc hiểu” (comprehension reading) có nội hàm khoa học phong phú, có nhiều cấp độ, gắn liền với lí luận dạy học văn, lí thuyết tiếp nhận, tâm lí học nghệ thuật, lí thuyết giao tiếp, thi pháp học, tường giải học, văn bản học,... Có thể nhận thấy, hiện nay có rất nhiều quan điểm khác nhau về đọc - hiểu văn bản. Và chúng tôi đồng thuận với quan điểm về đọc - hiểu văn bản của các tác giả nước Úc:<sup>2</sup>

<sup>2</sup> Nguyễn, Thị Hồng Nam, Lê, Công Tuấn, Nguyễn, Văn Lợi, Trương, Thị Ngọc Diệp & Trần, Minh Tuấn. 2007. *Phương pháp dạy đọc hiểu văn bản*. NXB Đại học Sư phạm.

- Đọc là tiến trình xây dựng ý nghĩa từ văn bản:

*“Tôi định nghĩa đọc là hành động tìm ra nghĩa, giải quyết vấn đề, đó là sự tăng thêm năng lực và sự mềm dẻo. Định nghĩa của tôi thể hiện là để vượt qua những trở ngại trực tiếp của việc giải mã tác phẩm, người đọc đã sử dụng ngôn từ và phương tiện thị giác để rút ra ý nghĩa của từ những gợi ý trong tác phẩm, từ đó, người đọc có thể hiểu thông điệp của tác giả một cách đầy đủ nhất”.*

- Đọc là một phần của đọc viết. Bất cứ một cuộc thảo luận nào về tác phẩm phải xảy ra trong ngữ cảnh cụ thể của xã hội hiện tại. Định nghĩa tiếp theo nhấn mạnh điều này:

*“Đọc viết là khả năng đọc và sử dụng những thông tin được viết ra và khả năng viết thích hợp trong những ngữ cảnh khác nhau. Nó được sử dụng để phát triển kiến thức và khả năng hiểu, để đạt được sự phát triển của cá nhân và để thực hiện chức năng một cách hiệu quả trong xã hội của chúng ta. Đọc viết bao hàm sự nhận ra những con số và những kí hiệu toán học cơ bản và những biểu tượng trong văn bản.*

*Đọc, viết gồm sự kết hợp nói, nghe và tư duy phê phán đối với đọc và viết. Đọc viết hiệu quả về bản chất có tính mục đích, linh hoạt và năng động và tiếp tục phát triển qua thời gian sống của mỗi cá nhân.*

Như vậy, quan điểm về đọc – hiểu của các tác giả nước Úc có sự khác biệt lớn với quan điểm của một số tác giả ở Việt Nam. Chúng ta không coi trọng sự kết hợp các hoạt động nói, nghe, đọc, phản hồi, đặc biệt là hoạt động viết của HS khi dạy học đọc – hiểu. Điều này phần nào đã ảnh hưởng đến chất lượng dạy học Ngữ văn trong nhà trường, đồng thời hạn chế sự chủ động sáng tạo của HS khi tiếp nhận văn bản, và vô tình bỏ qua cơ hội để rèn luyện kĩ năng viết cho HS.

### 2.2. Định nghĩa “Nhật kí đọc sách”

Một trong những cách để kích thích HS học Văn là thông qua hoạt động đọc và viết của HS. Bao gồm cả việc viết sáng tạo ra văn bản mới hoặc viết phản hồi lại những gì các tác giả khác viết. Một trong những cách rèn luyện viết cho HS là tập cho HS có thói quen ghi chép trong quá trình học tập, nghiên cứu, đặc biệt với những văn bản đọc hiểu. Chúng tôi quan niệm, *NKĐS* là hình thức ghi chép được sử dụng để diễn tả nhiều hoạt động viết của HS trong quá trình tìm hiểu văn bản tác phẩm

văn chương. NKDS ngày càng được áp dụng một cách phổ biến ở các lớp học ngày nay.

### 2.3. Đặc điểm của các dạng bài tập trong “Nhật kí đọc sách”<sup>3</sup>

#### 2.3.1 Các dạng bài tập trong NKDS

Theo tác giả Taffy E. Raphael – Efrieda H. Hiebert, NKDS có 10 loại Bài tập

**Bảng 1:** Các dạng bài tập của NKDS (Qui ước số thứ tự các bài tập ở phần này cũng là thứ tự của phần báo cáo kết quả ở phần sau).

#### 2.3.2 Đặc điểm của các bài tập trong NKDS

- Chú trọng khơi gợi **năng lực tưởng tượng** của người đọc, khả năng thể hiện những gì mình tưởng tượng thành hình ảnh (Bài tập *Hình ảnh, Hồ sơ nhân vật*).

- Khuyến khích vai trò **kiến tạo nghĩa** của người

đọc, năng lực tưởng tượng khi yêu cầu người đọc đặt mình vào vị trí của một nhân vật mà tác giả ít miêu tả trong văn bản để thể hiện quan điểm của chính người đọc về nhân vật (Bài tập *Quan điểm*) hoặc yêu cầu người đọc giải thích ý nghĩa Văn bản theo cách nhìn của bản thân (Bài tập *Giải thích*).

- Khơi gợi **kí ức, kinh nghiệm sống** của người đọc, sử dụng kinh nghiệm của bản thân để hiểu văn bản (Bài tập *Bản thân và truyện*).

- Phát triển **tu duy phê phán** cho người đọc, giúp người đọc nhìn nhận những thành công và hạn chế của văn bản (Bài tập *Điểm sách*).

- Phát triển năng lực **giải mã văn bản** cho người đọc qua việc yêu cầu người đọc tìm những từ hay, những đoạn đặc sắc của văn bản đồng thời phát triển vốn từ, khả năng sử dụng các từ đã học trong văn bản (Bài tập *Từ hay, Nghệ thuật và thủ pháp đặc biệt của tác giả, Phần đặc sắc của truyện*).

**Bảng 1: Các dạng bài tập của NKDS**

<p><b>1. HÌNH ẢNH</b> Mỗi khi đọc tôi phải lưu giữ một hình ảnh trong đầu về câu chuyện. Tôi có thể vẽ nó ra trong nhật kí đọc sách và chia sẻ với các bạn trong nhóm. Khi vẽ hình tôi cần chú thích để ghi nhớ hình ảnh đó từ đâu đến, điều gì làm tôi nghĩ ra nó và tại sao tôi lại muốn vẽ ra hình ảnh đó.</p>	<p><b>4. QUAN ĐIỂM</b> Đôi khi đọc về một nhân vật, tôi nghĩ tác giả đã không xem xét các quan điểm hay ý kiến nào đó. Trong nhật kí, tôi có thể viết ra quan điểm của nhân vật mà tác giả không đề cập tới.</p>	<p><b>8. TỪ HAY</b> Tìm ra những từ thực hay, các từ mới, ngộ nghĩnh, có khả năng miêu tả cao mà tôi muốn sử dụng khi viết; các từ dễ nhầm lẫn. Viết ra và chia sẻ trong nhóm. Tôi cũng ghi chú lí do chọn những từ này và số trang xuất hiện của chúng để dễ tìm lại</p>
<p><b>2. HỒ SƠ NHÂN VẬT</b> Nghĩ về một nhân vật yêu thích hoặc không yêu thích, hoặc lí thú. Vẽ sơ đồ thể hiện cách thức tôi nghĩ: về hình dáng, hành động, cách cư xử, điểm thú vị hay nổi bật của nhân vật đó</p>	<p><b>5. BẢN THÂN VÀ TRUYỆN</b> Đôi lúc những gì đọc được về nhân vật hay về một sự kiện nào đó khiến tôi nghĩ về cuộc sống cá nhân mình. Tôi sẽ viết trong nhật kí và kể lại cho các bạn về việc nhân vật, sự kiện hay ý tưởng nào đó đã làm tôi nghĩ về cuộc đời của mình</p>	<p><b>9. ĐIỂM SÁCH/PHÊ BÌNH</b> Khi đọc đôi lúc tôi tự nghĩ: hoàn toàn tuyệt vời. Có lúc tôi nghĩ: nếu là tác giả tôi sẽ viết khác hơn. Tôi sẽ ghi ra những điểm hay của tác giả và những nhược điểm cần khắc phục.</p>
<p><b>3. NGHỆ THUẬT VÀ THỦ PHÁP ĐẶC BIỆT CỦA TÁC GIẢ</b> Đôi khi tác giả sử dụng những từ ngữ đặc biệt, khắc họa rõ nét chúng trong đầu người đọc, làm tôi ước viết được như vậy, dùng ngôn ngữ vui nhộn, viết những cuộc đối thoại thật hay... Trong nhật kí của tôi, tôi sẽ ghi lại các ví dụ về những điều đặc biệt như thế mà tác giả đã dùng trong truyện.</p>	<p><b>6. TRÌNH TỰ SỰ KIỆN</b> Đôi khi trật tự các sự kiện trong truyện tỏ ra đáng ghi nhớ. Tôi có thể vẽ một sơ đồ chuỗi các sự kiện, hành động và giải thích vì sao trật tự đó đáng nhớ.</p>	<p><b>10. GIẢI THÍCH</b> Khi đọc tôi suy nghĩ xem tác giả muốn nói với tôi điều gì? Muốn tôi ghi nhớ điều gì qua câu chuyện. Tôi có thể viết ra cách giải thích của mình trong nhật kí và chia sẻ với các bạn. Tôi cần lắng nghe cách giải thích của các bạn để so sánh các điểm giống nhau, tương tự và khác nhau với các bạn.</p>
	<p><b>7. PHẦN ĐẶC SẮC CỦA TRUYỆN</b> Tôi sẽ ghi lại số trang để nhớ đâu là đoạn đặc sắc của câu chuyện. Ghi các từ mở đầu, kết thúc của đoạn để nhớ và chia sẻ trong nhóm. Sau đó viết giải thích vì sao tôi cho rằng đoạn đó thú vị và đặc biệt</p>	

<sup>3</sup> Nguyễn, Thị Hồng Nam. *Sử dụng nhật kí đọc sách trong dạy đọc hiểu văn bản*, xem 04.01.2012

<[http://se.ctu.edu.vn/bmnv/index.php?option=com\\_content&view=article&id=32:s-dng-nht-ki-c-sach-trong-dy-c-hiuvn-bn&catid=22:ppdh-vn&Itemid=45](http://se.ctu.edu.vn/bmnv/index.php?option=com_content&view=article&id=32:s-dng-nht-ki-c-sach-trong-dy-c-hiuvn-bn&catid=22:ppdh-vn&Itemid=45)>

Các Bài tập này không phải là những câu hỏi *định hướng* cho người học hiểu văn bản một cách *cụ thể* như những câu hỏi trong phần Hướng dẫn học bài của sách giáo khoa Ngữ văn phổ thông mà là những *gợi ý* để người đọc thực hiện các hoạt động mà họ cần phải sử dụng khi đọc bất kì văn bản văn chương nào: tường tượng, giải mã, kiến tạo nghĩa... Người học được khuyến khích sử dụng *NKDS* để giao tiếp, chia sẻ với bạn cùng nhóm. Với mỗi văn bản, người học luân phiên thực hiện một bài tập khác nhau để tạo điều kiện cho mỗi HS được lần lượt thử nghiệm các vai trò khác nhau trong *NKDS*.

Như vậy, *NKDS* và những hoạt động viết liên quan đã đóng vai trò khuyến khích HS tương tác với tác phẩm để xây dựng ý nghĩa của văn bản (ví dụ: dựa vào từ ngữ, trật tự các sự kiện), giải thích (ví dụ: phê phán) và bày tỏ những phản ứng cá nhân. Trong *NKDS* có những trang trống dành cho HS thể hiện ý tưởng bằng những bức tranh, sơ đồ, lược đồ và những trang có hàng kẻ được sử dụng để viết những phản hồi, suy nghĩ của HS về các yếu tố của tác phẩm như các sự kiện, nhân vật, cách dùng từ ngữ độc đáo của tác giả, những đoạn mô tả hoặc đối thoại thú vị... HS được khuyến khích sử dụng nhật kí cho những hoạt động do GV yêu cầu hay do chính các em chọn lựa.

## 2.4. Thử nghiệm giảng dạy một số tiết đọc - hiểu văn bản có sử dụng các dạng bài tập trong *NKDS*

### 2.4.1. Mục đích thử nghiệm

*NKDS* là một hình thức học tập khá xa lạ với đối tượng HS ở các trường phổ thông hiện nay. Do đó, quá trình thử nghiệm là một khâu quan trọng vừa giúp chúng tôi đánh giá hiệu quả của việc sử dụng *NKDS* trong dạy học đọc hiểu vừa giúp cho kết quả nghiên cứu của chúng tôi mang tính khách quan.

### 2.4.2. Đối tượng thử nghiệm

Để đảm bảo tính khách quan, đồng thời để rút kinh nghiệm trước khi áp dụng đại trà (nếu kết quả khả quan), chúng tôi tiến hành thử nghiệm trên đối tượng hai khối lớp 10 và 11 ở những điểm trường khác nhau.

- Khối lớp 10, chúng tôi thực hiện ở hai điểm trường: Trường THPT Lưu Văn Liệt, TP. Vĩnh Long (Lớp 10A: 42 HS) và Trường THPT Phan Văn Hùng, tỉnh Sóc Trăng (Lớp 10B: 39 HS).

- Khối lớp 11, chúng tôi thực hiện ở hai điểm

trường: Trường cấp 2 - 3 Phan Văn Hòa, Tam Bình, Vĩnh Long (Lớp 11A: 31 HS) và Trường THPT Trần Ngọc Hoàng, Thới Hưng, Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ (Lớp 11B: 36 HS).

Phân tích đối tượng thử nghiệm chúng tôi được biết khái quát về đối tượng như sau:

- Đa số các HS ở tất cả các điểm trường lâu nay đều học đọc - hiểu văn bản theo phương pháp truyền thống (thầy cung cấp kiến thức là chủ yếu, các em chưa tự mình khám phá nội dung văn bản, nếu có cũng chưa mạnh dạn bày tỏ cảm nhận của bản thân với GV hoặc chia sẻ cùng bạn bè).

- Điều kiện của mỗi điểm trường khác nhau, đây cũng là một thuận lợi cho việc ghi nhận kết quả một cách khách quan.

- Tất cả các điểm trường thử nghiệm HS đều học theo chương trình Ngữ văn cơ bản.

- Trong quá trình học đọc - hiểu, HS không được yêu cầu và khuyến khích viết (hoặc nói, phản hồi) cảm nhận và suy nghĩ của mình về tác phẩm.

### 2.4.3. Phương pháp thử nghiệm

*Điều tra thăm dò; Quan sát, phân tích, tổng hợp, đánh giá; Quan trọng nhất là Phương pháp thực nghiệm sư phạm.*

2.4.4. Tiến trình thử nghiệm: Do chúng tôi chỉ tiến hành thử nghiệm trên một số tiết nên kế hoạch cho việc thử nghiệm được tiến hành gồm ba bước:

#### Bước 1: Hướng dẫn HS cách thức sử dụng 10 dạng Bài tập *NKDS*

Ở bước này chúng tôi làm những việc sau: GV chia nhóm; Phát mẫu giấy có in 10 dạng bài tập *NKDS*; Yêu cầu các nhóm bầu nhóm trưởng. (Nhiệm vụ của nhóm trưởng: ghi lại danh sách các thành viên trong nhóm làm dạng bài tập nào, nhắc nhở các thành viên hoàn thành bài tập đúng hạn); Giải thích về từng dạng bài tập để HS nắm rõ yêu cầu của từng dạng bài tập.

#### Bước 2: Hướng dẫn HS thực hiện 10 dạng Bài tập *NKDS*

- Trước một tuần tìm hiểu văn bản đọc hiểu, GV phát 10 dạng bài tập cho từng nhóm và yêu cầu: Mỗi thành viên của từng nhóm lựa chọn và hoàn thành dạng bài tập phù hợp khả năng của bản thân (viết văn xuôi, sáng tác thơ, vẽ chân dung nhân vật, cảnh vật hoặc một hình ảnh nào đấy, vẽ sơ đồ,...), các thành viên trong nhóm không được chọn dạng bài tập trùng nhau. Mỗi thành viên có thể thực hiện

nhiều dạng bài tập nhưng tối thiểu là một dạng.

- Mỗi cá nhân HS hoàn thành bài tập NKĐS ở nhà trước khi đến lớp.

**Bước 3: GV tổ chức cho HS chia sẻ bài tập NKĐS**

- GV tổ chức cho HS chia sẻ bài tập NKĐS (theo từng cặp HS được kết hợp ngẫu nhiên)

+ Lần 1: Phản hồi bài viết của bạn (theo gợi ý của GV ở mẫu phiếu)

+ Lần 2: Tự nhận xét bài viết của bản thân (theo gợi ý của GV ở mẫu phiếu).

- Thời điểm chia sẻ ý kiến: Đọc hiểu văn bản

hoặc cùng cố.

**Bước 4: GV đánh giá, cho điểm** (điểm này được quy thành điểm thưởng, tùy từng GV có cách quy định điểm thưởng khác nhau)

Kết quả của HS là kết quả của bài viết, những phản hồi và thái độ hợp tác trong quá trình thảo luận, chia sẻ thông tin.

**2.4.5. Kết quả thử nghiệm**

Sau thời gian bốn tuần tiến hành thử nghiệm trên hai khối lớp ở các điểm trường khác nhau thông qua một số văn bản đọc hiểu, chúng tôi thu được kết quả như sau:

- Khối lớp 10

**Bảng 2: Số lượng mẫu NKĐS được HS sử dụng trong bài học “Chuyện chức phán sự ở đền Tản Viên”**

Dạng BT Lớp - SL	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Tổng
10A	4	7	21	10	5	7	8	6	5	8	81
10B	5	6	9	11	3	7	6	9	11	2	69
Tổng	9	13	30	21	8	14	14	15	16	10	150

**Bảng 3: Số lượng mẫu NKĐS được HS sử dụng trong bài học “Hồi trống Cổ Thành”**

Dạng BT Lớp - SL	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Tổng
10A	5	9	13	8	4	5	5	16	7	15	87
10B	7	4	6	12	7	11	9	10	9	11	86
Tổng	12	13	19	20	11	16	14	26	16	26	173

- Khối lớp 11

**Bảng 4: Số lượng mẫu NKĐS được HS sử dụng trong bài học “Chí Phèo”**

Dạng BT Lớp - SL	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Tổng
11A	12	17	4	3	6	13	8	6	5	4	78
11B	9	11	13	8	7	11	6	5	6	6	82
Tổng	21	28	17	11	13	24	14	11	11	10	160

**Bảng 5: Số lượng mẫu NKĐS được HS sử dụng trong bài học “Vội vàng”**

Dạng BT Lớp - SL	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Tổng
11A	17	4	12	6	9	6	13	13	5	6	91
11B	5	7	5	7	9	4	12	16	7	8	80
Tổng	22	11	17	13	18	10	25	29	12	14	171

**Bảng 6: Số lượng mẫu NKĐS được HS sử dụng trong bài học “Đây thôn Vĩ Dạ”**

Dạng BT Lớp - SL	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Tổng
11A	17	4	12	7	13	4	12	17	5	12	103
11B	6	7	8	6	11	4	13	16	12	14	97
Tổng	23	11	20	13	24	8	25	33	17	26	200

**Bảng 7: Thống kê số lượng và tỉ lệ các mẫu NKĐS được HS khối 10 và khối 11 sử dụng trong quá trình thử nghiệm**

Dạng BT		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Tổng
Thống kê SL/ Tỉ lệ %	Khối 10	21/ 6.5	26/ 8.0	49/ 15.2	41/ 12.7	19/ 5.9	30/ 9.3	28/ 8.7	41/ 12.7	32/ 9.9	36/ 11.1	323/ 100%
	Khối 11	66/ 12.4	50/ 9.4	54/ 10.2	37/ 7.0	55/ 10.4	42/ 7.9	64/ 12.0	73/ 13.8	40/ 7.5	50/ 9.4	531/ 100%
	Tổng	87/ 10.2	76/ 8.9	103/ 12.0	78/ 9.1	74/ 8.7	72/ 8.4	92/ 10.9	114/ 13.3	72/ 8.4	86/ 10.1	854/ 100%

#### 2.4.6 Đánh giá kết quả thử nghiệm

##### \*Về việc lựa chọn các mẫu nhật kí

- HS sử dụng đa dạng các mẫu NKĐS. Tuy số lượng (SL) các mẫu được HS sử dụng có sự chênh lệch nhưng mỗi lớp đều có HS lựa chọn các mẫu NKĐS từ mẫu số 1 đến mẫu số 10. Sự đa dạng của các mẫu NKĐS tạo điều kiện cho HS có nhiều cơ hội lựa chọn các mẫu NKĐS theo năng lực, sở thích của mình.

- Tổng số mẫu NKĐS được sử dụng của cả hai khối lớp 10 và 11 là 854 mẫu, trung bình mỗi HS sử dụng 2.35 mẫu/văn bản. Tỉ lệ này cho thấy HS có ý thức và hứng thú với NKĐS. Việc sử dụng nhiều mẫu NKĐS trong cùng một văn bản giúp cho HS chủ động tiếp cận và tìm hiểu văn bản.

- Đặc biệt, ở khối lớp 10 lẫn khối lớp 11, SL các mẫu nhật kí được HS sử dụng ngày một tăng qua từng văn bản đọc hiểu được học. Tỉ lệ trung bình số mẫu NKĐS được HS sử dụng ở văn bản sau luôn cao hơn văn bản trước.

Thí dụ: Lớp 10A, trong văn bản đầu tiên “Chuyện chức phán sự đền Tản Viên”, tổng số mẫu NKĐS được HS sử dụng là 81 mẫu, trung bình mỗi HS sử dụng 1.93 mẫu/ văn bản; đến văn bản thứ hai “Hồi trống cổ thành”, tổng số mẫu NKĐS được sử dụng là 87 mẫu, trung bình mỗi HS sử dụng 2.07 mẫu/ văn bản. Những thống kê trên cho thấy, HS đã dần làm quen với các mẫu NKĐS và ngày có sự hứng thú với chúng.

- Qua bảng thống kê trên, chúng tôi nhận thấy SL và tỉ lệ của các mẫu NKĐS số 1, số 3, số 4, số 7, số 8, số 10 chiếm SL nhiều nhất. Trong tổng số 854 mẫu NKĐS thu được thì mẫu số 1 chiếm 10.2%, mẫu số 3 chiếm 12%, mẫu số 4 chiếm 9.1%, mẫu số 7 chiếm 10.9%, mẫu số 9 chiếm 13.3%, mẫu số 10 chiếm 10.1%.

Chi tiết các khối lớp như sau:

+ Khối lớp 10: Tổng số mẫu NKĐS được HS

của cả hai lớp 10A và 10B sử dụng khi học hai văn bản “Hồi trống cổ thành”, “Chuyện chức phán sự đền Tản Viên” là 323 mẫu. Trong đó mẫu số 3 (SL: 49, chiếm 15.2 %), mẫu số 4 (SL: 41, chiếm 12.7%), mẫu số 6 (SL: 30, chiếm 9.3%), mẫu số 8 (SL: 41, chiếm 12.7%), mẫu số 9 (SL: 32, chiếm 9.9 %), mẫu số 10 (SL: 36 chiếm 11.1%) được HS sử dụng nhiều nhất.

+ Khối lớp 11:

Trong văn bản đầu tiên – **Chí Phèo** – tổng cộng ở hai lớp 11A và 11B có 160 sản phẩm (SP). Trong đó: mẫu số 1 có 21 SP chiếm 13.1%, mẫu số 2 có 28 SP chiếm 17.5%, mẫu số 3 có 17 SP chiếm 10.6%, mẫu số 6 có 24 SP chiếm 15%, mẫu số 7 có 14 chiếm 8.8 %.

Văn bản thứ hai – **Vội vàng** – có tổng cộng 171 SP được HS hai lớp 11A và 11B sử dụng. Trong đó: có 22 SP thu vào là mẫu số 1 chiếm 12.9% , mẫu số 3 có 17 SP chiếm 9.9 % , mẫu số 5 có 18 SP chiếm 10.5%, mẫu số 7 có 25 SP chiếm 14.6%, mẫu số 8 có 29 SP chiếm 17%.

Văn bản thứ ba – **Đây thôn Vĩ Dạ** – có tổng cộng 200 SP được HS hai lớp 11A và 11B sử dụng. Trong đó: có 23 SP thu vào là mẫu số 1 chiếm 11.5% , mẫu số 3 có 20 SP chiếm 10% , mẫu số 5 có 24 SP chiếm 12%, mẫu số 7 có 25 SP chiếm 14.6%, mẫu số 8 có 33 SP chiếm 19.3%, mẫu số 10 có 26 SP chiếm 13%.

Như vậy, HS tỏ ra rất hứng thú với các mẫu NKĐS. Các mẫu này rất đa dạng và phù hợp với năng lực, sở thích và tâm sinh lí HS. Hình thức và yêu cầu của các mẫu gây hứng thú, hấp dẫn HS. Đa số HS lúc đầu còn xa lạ với hình thức học tập bằng NKĐS, nhưng theo thời gian các em càng thích ứng tốt và chủ động lựa chọn, hoàn thành tốt nhiệm vụ một cách hào hứng, hiệu quả. Một điều chúng tôi cũng nhận ra, các mẫu NKĐS được HS lựa chọn thực hiện không ngang bằng nhau, có một vài mẫu được HS sử dụng rất nhiều. Bằng

chứng là các em chỉ lựa chọn những mẫu bài tập đơn giản như về nhân vật, sơ đồ cốt truyện, trình tự sự kiện... Điều này là do các mẫu bài tập này gần với cách thức soạn bài của các em xưa nay. Những mẫu có tính chất khám phá, phát hiện, bày tỏ cảm xúc như giải thích, bản thân và truyện, điểm sách/ phê bình... các em rất ngại thực hiện.

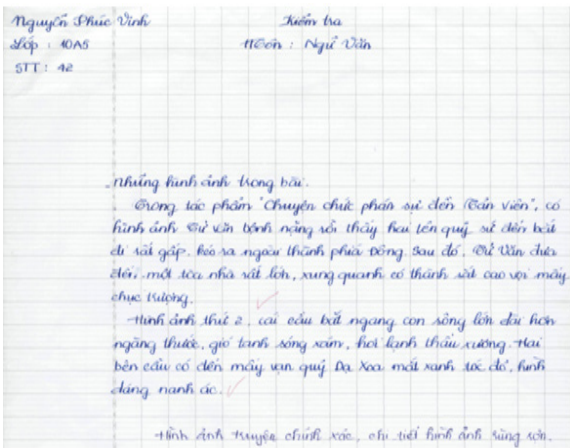
**\* Về năng lực cảm nhận của HS**

Phần lớn các mẫu nhật kí thu vào đều đạt yêu cầu. Việc lựa chọn, thực hiện các mẫu bài tập nhật kí cũng phần nào đánh giá được năng lực cảm nhận của HS khi tiếp xúc văn bản. Tuy nhiên, nói như thế không hoàn toàn có nghĩa là khi HS tìm đến với những mẫu đơn giản là do các em nông cạn trong suy nghĩ, và chưa sâu sắc để nhìn nhận ý nghĩa của văn bản. Tuy không là những tiến bộ vượt trội nhưng sau thời gian thử nghiệm chúng tôi ghi nhận những tiến bộ đáng mừng của HS trong việc cảm nhận văn bản. Đây là những cảm nhận bước đầu của HS về tác phẩm:

Thí dụ 1 (Hình 1): “Trong tác phẩm “Chuyện chức phán sự đền Tản Viên” có hình ảnh Tử Văn bệnh nặng rồi thấy hai tên quỷ sứ đến bắt đi rất gấp, kéo ra ngoài thành phía Đông. Sau đó, Tử Văn bị đưa đến một tòa nhà rất lớn, xung quanh có thành rất cao với mấy chục trượng.

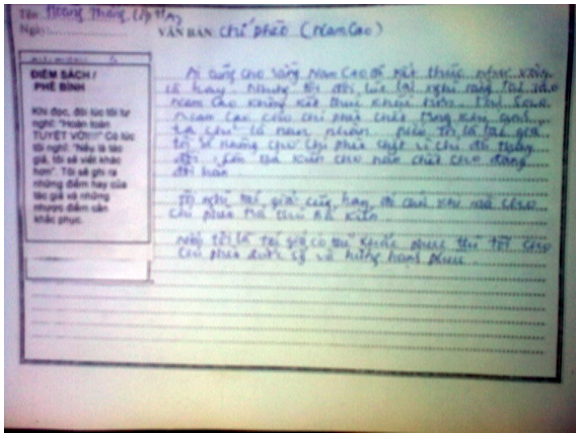
Hình ảnh thứ 2, cái cầu bắt ngang con sông lớn dài hơn ngàn thước, gió tanh sóng xám, hơi lạnh thấu xương. Hai bên cầu có đến mấy vạn quỷ Dạ Xoa mắt xanh tóc đỏ, hình dáng nanh ác.

Hình ảnh truyện chính xác, chi tiết hình ảnh rùng rợn”.



**Hình 1: Bài làm của em Nguyễn Phúc Vinh, BT về Hình ảnh, lớp 10B, Trường THPT Phan Văn Hùng, tỉnh Sóc Trăng**

**Thí dụ 2 (Hình 2)**



**Hình 2: Bài làm phần Điểm sách / phê bình của em Hoài Thắng, lớp 11A Trường Phan Văn Hòa**

“Ai cũng cho rằng Nam Cao đã kết thúc như vậy là hay. Nhưng tôi đôi lúc lại nghĩ rằng tại sao Nam Cao không kết thúc khác hơn. Tại sao Nam Cao cho Chi Phèo chết trong khi anh ta chỉ là nạn nhân. Nếu tôi là tác giả, tôi sẽ không cho Chi Phèo chết vì Chi đã thay đổi, còn Bá Kiến cho hắn chết cho đáng đời hắn.

Tôi nghĩ tác giả cũng hay đó chứ khi cho Chi Phèo trả thù Bá Kiến. Nếu tôi là tác giả có thể khắc phục thì tôi cho Chi Phèo được sống và hưởng hạnh phúc”.

Bước đầu, HS ở các lớp thử nghiệm đã mạnh dạn nói lên suy nghĩ, cảm nhận của mình về tác phẩm:

“Tác giả muốn nói với tôi vấn đề về xã hội trong Văn bản Chỉ Phèo. Một xã hội mà đầy rẫy những con người như Chi: một con người bị tha hóa, hiền từ lại bị trở thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại, chuyên rạch mặt ăn vạ. Qua tác phẩm tác giả muốn tôi ghi nhớ bài học về cuộc sống trong xã hội này, cái xã hội mà đầy những con người như Chi. Xã hội này quá tàn tệ, tha hóa con người hiền lành...” (Trích bài viết của em Nguyễn Alpha, lớp 11A Trường Phan Văn Hòa (Vĩnh Long), mẫu **Giải thích**).

Trên đây là những bài đầu tiên HS sử dụng NKĐS cho việc tìm hiểu văn bản. Vì thế, cảm nhận của các em còn chưa sâu sắc. Nội dung cảm nhận của các em còn đơn giản: khi chỉ là liệt kê, khi chỉ là nhận xét qua loa. Để nâng cao khả năng cảm thụ văn học cho HS không phải là việc làm trong thời gian ngắn. Tuy nhiên, với sự khuyến khích của chúng tôi cùng với những tác động tích cực của NKĐS, ở những văn bản sau, chúng tôi thu được những tiến bộ tương đối khả quan.

Một số bài viết của các em thể hiện nhiều suy nghĩ, cảm xúc trong sáng, sâu sắc hơn:

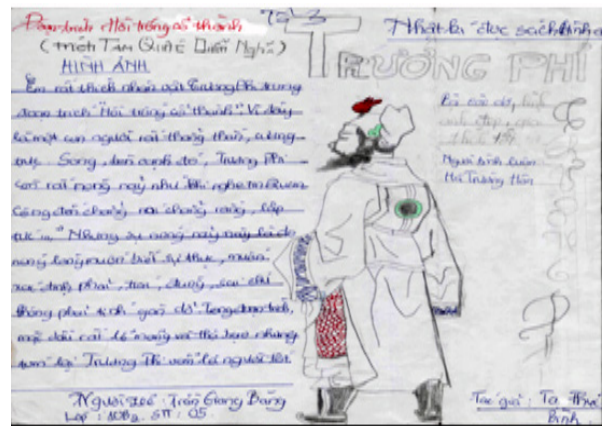
“... trong cuộc sống của tôi cũng vậy, có đôi lúc bị nghi oan đấy chứ, tôi có thể ghét cả người đã vu khống mình, cho dù người ấy là mẹ tôi, nhưng qua câu chuyện trên, tôi học ở nhân vật Quan Công lòng vị tha và tôn trọng lễ phải. Ngoài ra, tôi còn cảm nhận được lòng trung thành và tình nghĩa huynh đệ sâu nặng. Và có lẽ, tôi nên yêu thương em tôi nhiều hơn nữa (vì hai anh em tôi lúc nào cũng như nước với lửa cả, không hề đồng nhất ý kiến với nhau)” (Trích mẫu **Bản thân và truyện** của Chung Phương Long - lớp 10B)

Em Phạm Mỹ Linh-lớp 10A viết: “**Hồi trống ở cuối đoạn trích chứa đựng ý nghĩa sâu xa về tình huynh đệ, lòng trung nghĩa và tinh thần dũng cảm. Ba hồi trống của sự rõ ràng, rành mạch, dứt khoát – kết tinh của một chuỗi cảm xúc. Đó là tình nghĩa anh em vườn đào thề nguyện sống chết có nhau. Là điều kiện, là phiên tòa giải tòa nổi ngờ vực của Trương Phi và minh oan cho Quan Công. Và chính hồi trống của Trương Phi càng khiến cho không khí trận mạc thêm sắc thái hào hùng**”. (Trích mẫu **Điểm đặc sắc của truyện**)

Ý tưởng, tư duy tưởng tượng của các em được mở rộng, phong phú hơn. Ngoài việc trình bày những suy nghĩ, nhận xét sâu sắc, các em còn thể hiện, bày tỏ bằng những hình vẽ. Chẳng hạn: “**Em rất thích nhân vật Trương Phi trong đoạn trích ‘Hồi trống Cổ Thành’.** Vì đây là một con người rất thẳng thắn, cương trực. Song, bên cạnh đó, Trương Phi còn rất nóng nảy như ‘**khi nghe tin Quan Công đến chẳng nói chẳng rằng, lập tức ra...**’. Nhưng sự nóng nảy này là do nóng lòng muốn biết sự thực, muốn xác định phải, trái, đúng, sai chứ không phải tính gàn dở. Trong đoạn trích, dù rất lỗ mãng và thô bạo nhưng tóm lại Trương Phi vẫn là người tốt”. Kèm theo những lời nhận xét trên là hình vẽ nhân vật Trương Phi trong Hồi trống Cổ Thành của em Trần Giang Băng lớp 10A Trường Lưu Văn Liệt, Vĩnh Long (Hình 3). Tương tự, hình vẽ phong cảnh thôn Vĩ Dạ của em Lê Thị Phước An lớp 11A Trường Phan Văn Hòa (Vĩnh Long) cũng rất ấn tượng với những cảnh sắc đặc trưng của thôn Vĩ trong trí tưởng tượng của em từ bài thơ.

Bài viết *NKĐS* của các em cũng không còn đơn giản là câu trả lời cho câu hỏi trong sách giáo khoa hay làm thuần túy theo yêu cầu của mẫu bài tập mà đã thể hiện những suy nghĩ sâu hơn, đầu tư nghiêm

túc hơn, cho thấy sự hiểu biết của các em trưởng thành hơn. Chẳng hạn, bài viết của Phước An là một trong những bài viết chứng minh sự thay đổi trong năng lực cảm nhận tác phẩm văn chương. Em đã biết thể hiện cảm xúc của mình bằng ngôn ngữ viết sâu sắc hơn, cách diễn đạt cũng khá hơn. Đồng thời em còn biết phát huy trí tưởng tượng của mình qua ngôn ngữ thơ. Em khám phá được tài năng nghệ thuật ngôn từ của tác giả: tả cảnh ngụ tình, cảnh thấm buồn cũng chính là tâm trạng của thi nhân. Trong bài viết của mình, em An đã thể hiện sự đồng cảm đó.



**Hình 3: Hình vẽ nhân vật Trương Phi trong “Hồi trống cổ thành” của em Trần Giang Băng lớp 10B<sub>2</sub>, Trường Lưu Văn Liệt (Vĩnh Long)**

### \* Tác động của nhật kí đối với việc đọc văn và rèn luyện kĩ năng viết của HS

Theo kết quả chúng tôi thu nhận được từ các điểm trường khác nhau trên các lớp khác nhau thì *NKĐS* đã có một số tác động như sau:

- *NKĐS* làm cho HS có điều kiện tiếp xúc trước với tác phẩm, giúp cho việc học tập và giảng dạy trên lớp đạt hiệu quả hơn.

- Tạo cho HS thói quen tự học, tự nghiên cứu khi tiếp xúc văn bản văn học. HS hiểu bài sâu sắc hơn, giờ học sinh động hơn. Sự chủ động của người học được phát huy tốt hơn. HS được trao đổi thông tin một cách chủ động, hiệu quả.

- Việc đọc văn của HS không còn là một hoạt động thụ động mà trở thành một hoạt động “nghiên cứu, phân tích, đồng sáng tạo cùng tác giả”. Nhiều ý kiến phản hồi của các em cho thấy những suy nghĩ, phát hiện mới lạ, sáng tạo về văn bản, nhân vật...

- Người học có điều kiện chia sẻ với nhau, vừa hiểu thêm về tác phẩm vừa hiểu thêm về bạn mình.

- HS được trao cơ hội viết, được tự đánh giá và



đánh giá lẫn nhau về những ghi chép của mình. Từ đó có cơ hội học hỏi thêm bạn bè, tự chỉnh sửa để hoàn thiện kỹ năng viết.

### \**Hứng thú học tập của HS*

NKĐS đã đem lại không khí thoải mái, gần gũi để HS chia sẻ cảm nhận của mình bằng những bài tập NKĐS. Chúng tôi nhận thấy tâm lý học tập của HS có sự thay đổi theo hướng tích cực rõ rệt. Giờ học Ngữ văn không còn là một giờ “tra tấn” (*chữ dùng của em Thành Công, lớp 10B, trường Phan Thanh Hùng trong phiếu điều tra trước thực nghiệm*) như trước mà các em đến lớp với niềm vui, sự chờ đợi để được chia sẻ những suy nghĩ của mình về tác phẩm, về cuộc sống. Giờ học Ngữ văn sinh động hơn trước với những lời khen chê, đánh giá chân thành, những khám phá thú vị hay những bức tranh có được từ những suy nghĩ độc đáo của các em. Đa số HS đều rất thích hình thức học tập này. Đây là ý kiến của em Hoài Thanh (lớp 10B, Trường Phan Thanh Hùng): “Em thích học hơn vì đây là một hình thức học tập mới lạ, sáng tạo”. Còn em Thanh Lan (lớp 10A Trường Lưu Văn Liệt) thì cho rằng: “đây là hình thức học tập mới, chúng em tìm hiểu văn bản tự do không phải giới hạn, qui định cứng nhắc nào”... Nhiều em đến tiết đọc hiểu với tâm trạng rất vui, rất phấn khởi với những bài tập trong tay, mong chờ được chia sẻ: “*Hôm nào em không làm tốt bài tập là em cảm thấy sao sao trong lòng, sợ vào lớp thảo luận không tốt, các bạn cười*” (lời của em Thanh Lan lớp 10B Trường Lưu Văn Liệt); “*Trước đây em rất chán soạn bài Văn nhưng từ khi được học với hình thức học này em trông đến giờ học để được chia sẻ với các bạn những suy nghĩ của mình, đôi khi cũng có thể là nó cũng bị ảnh hưởng những tâm sự của em*” (lời của em Thúy Hằng lớp 11B của Trường Trần Ngọc Hoàng). 100% HS được hỏi đều trả lời mong muốn được tiếp tục học với hình thức học tập này.

Như vậy, nhìn chung đa số HS đều cảm thấy hài lòng, phấn khởi với hình thức học tập này. Điều này chứng tỏ những bài tập NKĐS đã có tác động tích cực đến hứng thú học tập của các em. Trong quá trình thực nghiệm, chúng tôi còn nhận thấy HS tích cực hơn trong việc tìm hiểu văn bản trước ở nhà bằng những bài tập NKĐS. Không còn tình trạng HS không soạn bài. 100% HS đến lớp đều mang theo “*những nghiên cứu nhỏ của riêng mình*”, sẵn sàng “*nhập cuộc*” trong trao đổi, thảo luận, khám phá văn bản.

### 2.5.7 Bài học kinh nghiệm

- Việc hướng dẫn thật kỹ hình thức và nội dung của 10 dạng bài tập trong NKĐS cũng như vai trò của chúng trong việc đọc - hiểu văn bản cho HS phải được thực hiện trước khi cho HS thực hiện công việc của mình.

- Phải để HS tự chọn hình thức bài tập mình thích và không được trùng nhau trong nhóm. Ở mỗi bài học, mỗi HS được yêu cầu thực hiện bài tập khác với bài tập đã thực hiện ở bài học trước đó sao cho cuối cùng HS có thể tiếp xúc và thực hiện các vai trò khác nhau khi tiếp xúc văn bản.

- Khi tiến hành thực hiện bài tập, GV nên có những hình thức đánh giá kiểm tra thường xuyên một cách khoa học với những tiêu chí được thông báo trước cho HS và nhiều hình thức (GV đánh giá, HS tự đánh giá, các thành viên nhóm đánh giá lẫn nhau).

- GV yêu cầu HS phải lưu giữ các bài viết của mình để cả GV và HS có thể nhận thấy kết quả của quá trình thực hiện. Phải tiến hành liên tục và ở nhiều thể loại tác phẩm.

- GV cần phải: Đầu tư nhiều công sức để nghiên cứu tài liệu và nâng cao kiến thức. Thường xuyên tổ chức và khuyến khích các em tiếp cận văn bản bằng NKĐS; luôn theo dõi, tạo điều kiện cho mọi thành viên trong lớp có cơ hội trình bày NKĐS của mình; chú ý những tồn tại của HS để có biện pháp giáo dục hoặc giúp đỡ; nên cùng lúc áp dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau để có thể phát huy tối đa những ưu điểm của từng phương pháp.

### 3. Kết luận

Không có một phương pháp nào gọi là tối ưu trong việc tiếp cận văn bản trong nhà trường. Nhưng trong thời gian ngắn thử nghiệm, có thể nói rằng, chúng tôi có niềm tin với phương pháp học tập tích cực này. NKĐS phần nào đáp ứng được đặc trưng của môn Văn học: vừa học vừa thể hiện mình vừa đáp ứng mục tiêu giáo dục. NKĐS vừa giúp HS tự hiểu mình vừa mang lại một không khí mới cho giờ học Ngữ văn. NKĐS cũng giúp HS hứng thú, chủ động tiếp cận tác phẩm ở nhà, tích cực khám phá lĩnh hội văn bản trên lớp học dưới sự hướng dẫn, khơi gợi của GV. Đặc biệt, HS có cơ hội nói lên suy nghĩ, cảm nhận, tình cảm của mình về văn bản dưới hình thức viết, trao đổi, tranh luận. Trên cơ sở đó, HS rèn luyện kỹ năng viết và hoàn thiện các kỹ năng tư duy khác. Nếu GV mạnh dạn

áp dụng phương pháp với sự chuẩn bị chu đáo, dự đoán được những khó khăn và hướng khắc phục, có thể khẳng định, việc cho HS viết *NKĐS* trong quá trình đọc - hiểu văn bản sẽ đem đến nhiều thành công như mong đợi của chúng ta. Tóm lại, nhìn chung kết quả thử nghiệm cho thấy chúng tôi có đủ cơ sở để đánh giá hiệu quả của việc vận dụng những bài tập *NKĐS* vào dạy đọc hiểu Ngữ văn ở trường phổ thông.

### Tài liệu tham khảo

- Nguyễn, Thị Hồng Nam. 2000. *Dạy học hợp tác*. Trường Đại học Cần Thơ.
- Nguyễn, Thị Hồng Nam, Lê, Công Tuấn, Nguyễn, Văn Lợi, Trương, Thị Ngọc Diệp & Trần, Minh Tuấn. 2007. *Phương pháp dạy đọc hiểu văn bản*. NXB Đại học Sư phạm.
- Nguyễn, Thị Hồng Nam. *Sử dụng nhật kí đọc sách trong dạy đọc hiểu văn bản*, xem 04.01.2011 <[http://se.ctu.edu.vn/bmrv/index.php?option=com\\_content&view=article&id=32:s-dng-nht-ki-c-sach-trong-dy-c-hiu-vn-bn&catid=22:ppdh-vn&Itemid=45](http://se.ctu.edu.vn/bmrv/index.php?option=com_content&view=article&id=32:s-dng-nht-ki-c-sach-trong-dy-c-hiu-vn-bn&catid=22:ppdh-vn&Itemid=45)>.
- Nguyễn, Thanh Hùng. 2002. *Đọc và tiếp nhận văn chương*. NXB Giáo dục.
- Nguyễn, Viêt Chữ. 2006. *Phương pháp dạy học tác phẩm văn chương theo loại thể*. NXB Đại học Sư phạm.
- Phan, Trọng Luận (chủ biên). 2006. *Sách giáo khoa Ngữ văn lớp 10, tập 1, 2*. NXB Giáo dục.
- Phan, Trọng Luận (chủ biên). 2006. *Sách giáo khoa Ngữ văn lớp 11, tập 1, 2*. NXB Giáo dục.
- Trần, Thanh Đạm. 1971. *Vấn đề giảng dạy tác phẩm văn học theo thể loại*. NXB Giáo dục.